

Đời sống đô thị và sự biến đổi

DAVID POPENOE

Các nhà xã hội học đô thị quan tâm đến nhiều vấn đề khác ngoài sự di động của dân số giữa nông thôn, đô thị, các vùng ngoại ô và sinh thái học của các thành phố. Họ cũng quan tâm đến những biến đổi trong văn hóa và cấu trúc xã hội bị thúc đẩy bởi đô thị hóa là những con đường, các mô hình sống khác nhau trong những loại hình cộng đồng khác nhau.

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG

Trong vòng 200 năm trở lại đây đời sống cộng đồng ở Mỹ đã trải qua những biến đổi xã hội và văn hóa quan trọng. Đời sống của thành phố nhỏ đã là một bộ phận trong di sản xã hội và văn học Mỹ hầu như đang lùi vào quá khứ. Sự biến đổi có liên quan mạnh mẽ đến đô thị hóa quốc gia (Wamen, 1972). Bởi vì sự biến đổi này của đời sống cộng đồng là thót khía cạnh quan trọng của xã hội Mỹ ngày nay, nên nhiều khía cạnh của nó đã được thảo luận đây đó, dưới đây chỉ là tóm tắt lại.

Những hoạt động giữa các cá nhân và các quan hệ trong cộng đồng ngày càng trở nên rời rạc do là vì chúng bị tách khỏi đời sống cộng đồng. Đón như một chỉnh thể, hoặc diễn ra trong các tổ chức và những địa điểm đặc biệt. Ví dụ những đại diện của giới doanh nghiệp có thể làm việc ở một nơi, và ăn, ngủ ở một nơi khác. Mỗi hoạt động dính dáng đến tập hợp các tổ chức, các vai trò ảnh hưởng con người tách biệt và không lớn quan với nhau

Các tổ chức cộng đồng trở lên lớn hơn và quan liêu hơn. Nhiều tổ chức trong số đó đã phát triển thành cơ sở quốc gia, đặt chúng ra bên ngoài sự kiểm soát của cộng đồng địa phương. Những gì trước đây là một cửa hàng tạp phẩm góc phố thì hiện nay trở thành một siêu thị khổng lồ do một Công ty quốc gia làm chủ. Nhiều chức năng trước đây được thực hiện ở nhà, hoặc do những người tự nguyện ở bên ngoài nhà ở, được chuyển qua tổ chức kinh doanh hoặc chính phủ. Ngày nay nhiều hoạt động nghỉ ngơi giải trí của gia đình diễn ra tại các cơ sở thương mại. Các trường học thực hơn hầu hết các chức năng giáo dục còn nhiều người cần đến sự giúp đỡ tài chính thì quay sang cơ quan Phúc lợi công cộng. Ngày càng nhiều thức ăn được chuẩn bị sẵn tại các cửa hàng ăn.

Những cộng đồng ở tất cả các quy mô liên quan lẫn nhau nhiều hơn là phụ thuộc vào các thị trường vùng và quốc gia hơn bao giờ hết. Nhiều gia đình không còn tự cung tự cấp hoàn toàn nữa, kể cả các thị xã và các thành phố. Nhà nước và các chính phủ liên bang đã tiếp nhận chức năng từ chính quyền địa phương. Kết quả là các cộng đồng địa phương chịu những sự kiểm soát mạnh mẽ của liên bang và nhà nước. Một thành phố có thể ra lệnh xây dựng một hệ thống thoát nước thải hiện đại hơn, hoặc nâng trình độ của các khoa học trong các trường của nó, hoặc mở các bể bơi cho các công dân thuộc đủ các chủng tộc. Điều quan trọng khác là cách thức để các cộng đồng liên kết về mặt văn hóa. Ở Mỹ ngày nay, các tâm thế thành phố, đặc biệt là New York và Hollywood, có khuynh hướng lấn át văn hóa của các thành phố nhỏ và khu vực nông thôn. Thật vậy, xã hội như một chỉnh thể đã phát triển một nền văn hóa đô thị là chủ yếu. Đây là một bộ phận những gì mà một số nhà xã hội học muốn nói về *đô thị hóa*. Thuật ngữ này có thể ám chỉ không những sự tăng lên của dân số sống ở đô thị mà còn sự gia tăng tầm quan trọng của các quan điểm đô thị và những quan tâm đến một lối sống và văn hóa quốc gia.

Theo ý nghĩa này, thông tin đại chúng vừa là nguyên nhân vừa là vật phổ biến đô thị hóa. Hàng triệu người Mỹ đọc đều đặn các tạp chí tuần tin tức quốc gia, xem các chương trình vô tuyến truyền hình, dùng các buổi tối thứ bảy để xem phim. Những tạp chí, những chương trình và các buổi chiếu phim này được xuất bản ở các thành phố như New York, Los Angeles, Chicago, Washington và họ có khuynh hướng truyền đạt cho xã hội như một chỉnh thể những giá trị, và những tâm thế của lối sống đô thị.

THUYẾT ĐÔ THỊ

Nói một cách chính xác thì lối sống đô thị là gì?

Các nhà xã hội học đã từ lâu quan tâm đến thuyết đô thị (urbanism) - các mẫu hình văn hóa và cấu trúc xã hội là đặc trưng của các thành phố - và chúng khác với văn hóa của các cộng đồng nông thôn như thế nào. Nhiều nghiên cứu về đề tài này đã được tiến hành vào những năm 1920 và những năm 1930 bởi các nhà xã hội học trường phái Chicago, như Robert Park, Ernest Burgess, và Louis Wirth. Những tác phẩm của họ về đời sống và văn hóa đô thị có ảnh hưởng lâu dài trong lĩnh vực đó.

TRƯỜNG PHÁI CHICAGÔ.

Quan điểm của trường phái Chicagô về đời sống đô thị có lẽ được biểu hiện rõ nhất trong bài báo của Louis Wirth với đầu đề là "Thuyết đô thị như là một lối sống" (1938). Wirth tin rằng số lượng, thật độ và tính đồng nhất dân số của các thành phố kết hợp tạo ra một nền văn hóa của thuyết đô thị. Ông chọn ra những khía cạnh nào đó của văn hóa đô thị và cơ cấu xã hội mà hình như liên quan đặc biệt đến những đặc điểm dân số học này. Quan điểm này về thuyết đô thị được gọi là quyết định luận (Jischer, 1976) vì nê ngu nờ rằng những đặc điểm dân số hóa của các thành phố quyết định hành vi và tâm thế của những con người sống ở đó.

Theo Wirth, những người ở thành phố gặp nhau trong các vai trò đã bị cắt rời, không phải trong những quan hệ có liên quan đến toàn bộ con người đó. Họ có những công việc chuyên biệt cao, các biểu tượng vai trò, công việc và đặc biệt địa vị xã hội trở nên cực kỳ quan trọng. Những cơ chế kiểm soát xã hội chính thức quan trọng hơn những cơ chế không chính thức. Cuối cùng, các nhóm thân tộc và gia đình đóng vai trò là một bộ phận kém quan trọng hơn trong kinh nghiệm xã hội ở các thành phố lớn so với ở các thành phố nhỏ. Trong những điều kiện này, con người ở các thành phố có thể trải qua tình trạng thiếu chuẩn mực - Họ không thể bằng lòng với tiêu chuẩn chung về một hành vi đúng đắn và chế nhạo hoặc bỏ qua những chuẩn mực được chấp nhận. Toàn bộ bức tranh về đời sống đô thị của Wirth chứng tỏ con người vô danh, tách biệt khỏi hàng xóm của họ, liên quan đến những người khác chủ yếu là để tăng tối đa lợi ích - kinh tế cá nhân của họ.

Được khích lệ bởi những vấn đề ngày càng gia tăng của các thành phố lớn, các học giả tiếp tục xác định những nét độc đáo của đời sống đô thị. Ví dụ, nhà tâm lý học Starley MilgTam (1970) gợi ý rằng, nhiều người dân đô thị phải đương đầu với sự quá tải tâm lý, hoặc không có khả năng xử lý toàn bộ thông tin cảm giác và nhận biết đang đưa dồn dập tới họ.

Milgram dẫn ra nhiều cách trong đó những người ở thành phố thích nghi chung với sự quá tải tâm lý. Vì họ có thể gặp hàng nghìn người trong một ngày, Milgram chỉ ra rằng những người thành thị bảo tồn năng lượng tâm lý bằng việc duy trì những quan hệ hời hợt và ngắn hạn với người khác. Những quan hệ hình như không phù hợp hoàn toàn được tránh xa, đó là lý do tại sao, ví dụ, người ta bước vòng qua để tránh những người say rượu nằm trên vỉa hè hơn là giúp đỡ họ.

Theo như quan điểm này, những cách thích nghi như vậy là suy giảm đạo đức và dính líu về mặt xã hội của những người ở thành phố với người khác. Một ví dụ cổ điển là vào năm 1964 vụ sát hại Kitty Genovese trước căn phòng của cô ta ở thành phố New York, 38 người hàng xóm của cô ta nghe thấy tiếng kêu nhưng không phản ứng, ngay cả gọi điện cho cảnh sát. Milgram tin rằng, sự thờ ơ này một phần là vì tiếng kêu của nạn nhân hướng tới mọi người nói chung chứ không phải là tới một người cụ thể nào. Nhưng người thành thị, ông cảm giác rằng, họ không muốn dính líu tới người khác trừ khi họ có liên quan một cách đặc biệt với người đó.

Những quan điểm tiêu cực về đời sống đô thị của trường phái Chicagô bị thách thức nghiêm trọng. Những người phê phán chỉ ra rằng những đặc điểm mà Wirth gắn liền với thuyết đô thị, trong thực tế được chia sẻ bởi các cộng đồng hiện đại thuộc đủ loại quy mô, chứ không phải chỉ riêng cho các khu vực đô thị lớn. Một vài học giả nhấn mạnh rằng những đặc điểm này bắt nguồn không nhiều từ môi trường đô thị mà chính là từ những nét đặc biệt của đời sống hiện đại nói chung, như quan liêu hóa và thế tục hóa. Hơn nữa, Wirth và trường phái Chicagô nhấn mạnh vào *những vấn đề* của đời sống đô thị, sự thiếu chuẩn mực, rối loạn tổ chức xã hội, tội phạm, bệnh tinh thần, những quan hệ cá nhân lỏng lẻo, thiếu tin tưởng. Theo các nhà phê phán, sự nhấn mạnh này có thể đúng với thành phố họ đang nghiên cứu: Chicagô. vào những năm 1920 và những năm 1930. Những

điều đó không có nghĩa rằng nó là đúng cho những thành phố khác ở thời gian khác. Hơn nữa một số thái độ tiêu cực của trường phái Chicagô có thể quy cho những khuynh hướng chống đô thị hơn là với những điều kiện hiện thời.

QUAN ĐIỂM THÀNH PHẦN.

Một nhóm các nhà xã hội học và nhân chủng học không nhất trí với quan điểm thuyết đô thị của Wirth đã phát triển một ý tưởng được gọi là quan điểm thành phần (Fisher, 1976)

Quan điểm này xem chất lượng đặc biệt của đời sống đô thị là kết quả các đặc điểm xã hội và văn hóa của những dạng người tạo nên thành phố. Những người chấp nhận quan điểm thành phần nhìn thành phố như là "Bức khảm của thế giới xã hội" (Fisher 1976, trang 34) được tạo nên từ các nhóm khác nhau, mỗi nhóm có cơ sở chung nào đó, như họ hàng, những nguồn gốc sắc tộc, hàng xóm, hoặc giai cấp xã hội. Trái với Wirth và các môn đồ của ông, các nhà xã hội học này phủ nhận rằng thuyết đô thị làm yếu sự liên kết xã hội. Đặc biệt họ phủ nhận luận điểm cho rằng quy mô tuyệt đối của các thành phố có ảnh hưởng quan trọng nào đó đến sự củng cố các nhóm xã hội. Ví dụ, khi những người nhập cư từ các nước khác định cư trong thành phố lớn, họ không bị mất các quan hệ xã hội với nhau. Trong thực tế họ duy trì những quan hệ này) những quan hệ giúp họ tạo ra vật đệm chống lại những sức ép của đời sống đô thị.

Thật vậy, một số nghiên cứu tìm thấy sự liên kết xã hội và cấu trúc cộng đồng trong các thành phố nhiều hơn những gợi ý miêu tả của Wirth. Chẳng hạn, Scott Gree nghiên cứu hai khu vực của thành phố Los Angeles, cho thấy rằng một nửa số người được hỏi họ đã thăm họ hàng ít nhất tuần một lần. Tác phẩm "*Những người nông thôn ở đô thị*" của Herbert Gans - một nghiên cứu về những người nông thôn Ý thích nghi với đời sống đô thị như thế nào - chỉ ra rằng nhiều người trong số họ duy trì phần lớn cấu trúc xã hội trước đây của họ qua thời gian. Gần đây hơn, Gerald Suttles (1968) và Albel Huntet (1974). Cả hai đã tìm thấy những cảm xúc cộng đồng mạnh mẽ trong khu ổ chuột và các khu ổ của công nhân ở chính Chicago

QUAN ĐIỂM PHÂN HỆ VĂN HÓA.

Claude Fischer (1976) đã phát triển nmt quan điểm thứ ba về thuyết đô thị - *quan điểm phân hệ văn hóa* nó kết hợp những nét đặc biệt của quan điểm quyết định luận của Wirth và quan điểm thành phần. Fischer đồng ý với Wirth rằng những thực tế tự nhiên và xã hội của đời sống đô thị - quy mô, mật độ, và sự pha trộn của những con người từ những nguồn gốc đa dạng - ảnh hưởng đến cấu trúc và sức mạnh của các nhóm xã hội. Nhưng trái với Wirth, và phù hợp với quan điểm thành phần, ông chỉ ra rằng đời sống đô thị không phá hủy sự liên kết của các nhóm phụ. Đúng hơn nó củng cố và làm tăng tầm quan trọng của chúng. Trong thực tế, đời sống đô thị thực sự tạo ra phân hệ văn hóa mà nó có thể không tồn tại ở nơi khác, vì nó thu hút những người có cơ sở chung lại với nhau. Ví dụ, trong các thành phố lớn có thể hình thành một nhóm những người chơi kèn Tu a bằng tay trái - khả năng này có nhiều hơn so với ở các thành phố nhỏ.

NHỮNG NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM.

Như chúng ta đã thấy, ba quan điểm về thuyết đô thị xem ảnh hưởng của đời sống đô thị đến sự liên kết các nhóm xã hội hoàn toàn khác nhau. Wirth chỉ ra rằng những điều kiện của đời sống đô thị đã phá hủy sự cố kết của nhóm. Quan điểm thành phần cho rằng những điều kiện của đời sống đô thị không ảnh hưởng đáng kể đến sự cố kết của nhóm. Còn quan điểm phân hệ văn hóa lại coi, trong thực tế chúng củng cố tính cố kết của nhóm, và ngay cả sáng tạo ra các nhóm mà không ở đâu có Quan điểm của Wirth ám chỉ rằng những người sống trong các thành phố có những triệu chứng căng thẳng tâm lý nhiều hơn những người sống ở nơi khác.

Trái lại, theo quan điểm thành phần và quan điểm phân hệ văn hóa, có rất ít sự khác nhau đáng kể giữa sức khỏe tinh thần của người dân đô thị và những người không phải dân đô thị.

Fischer (1976) đã xem xét lại những so sánh về sự căng thẳng tâm lý, kể cả những nghiên cứu về áp huyết cao, tự tử, nghiện rượu, sự tha hóa, sự bất hạnh, để tìm xem những kết quả của chúng nếu có, phù hợp với những gợi ý của Wirth hay không. ông nhận thấy rằng những nghiên cứu đó thiếu sức thuyết phục. Hiện tượng

tự tử phổ biến hơn trong các thành phố so với ở nông thôn trong suốt thế kỷ 19, nhưng ngày nay, không có sự khác nhau đáng kể (Dubtin, 1963, Durkheim, 1897/1950, Gibbs, 1971). Nghiện rượu là hiện tượng phổ biến hơn tại các thành phố so với nông thôn ở Mỹ, nhưng ở Pháp thì ngược lại (Trice, 1966). Áp huyết cao không phổ biến lắm ở các khu vực đô thị so với các khu vực không ở đô thị. Sự tha hóa - cảm giác về sự cách biệt khỏi xã hội là không phổ biến trong các thành phố. Những cảm giác về sự cách biệt xã hội, được đo bằng sự sợ hãi của con người mà những người khác sẽ lợi dụng chúng là khá lớn trong số những người ở thành phố hơn ở các khu vực khác. Cuối cùng không có quan hệ đồng nhất giữa sự bất hạnh và thuyết đô thị, ngoại trừ ở các thành phố lớn (trên 3 triệu dân) nơi mà con người hình như cảm thấy ít hạnh phúc hơn những người sống trong các thành phố nhỏ và các khu vực, nông thôn (Fischer, 1973).

Nói chung những nghiên cứu này gợi ý rằng nếu sức khỏe tinh thần của dân cư đô thị và ngoài đô thị khác nhau thì những khác nhau đó là không nhiều. Nhưng có thể là trong các xã hội tiên bộ, những yếu tố của thuyết đô thị lan tràn đến mức những so sánh nông thôn - đô thị rất ít ý nghĩa. Như chúng tôi đã chỉ ra rằng, sự dễ dàng trong giao thông và liên lạc hiện nay làm tất cả chúng ta trở thành người đô thị ở một mức độ lớn.

PHÂN TÍCH MẠNG LƯỚI XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG ĐÔ THỊ.

Phân tích mạng lưới xã hội là một cách tiếp cận nghiên cứu xã hội đã giành được ủng hộ trong số các nhà xã hội học đô thị. Mạng lưới xã hội bao gồm tất cả các quan hệ chính thức và không chính thức mà một người có với những người khác. Phân tích mạng là xem cách thức mà những mạng lưới như vậy giao nhau để hình thành một mạng lưới các quan hệ. Sự nhấn mạnh của phân tích mạng không phải dựa trên cá nhân hoặc nhóm mà dựa trên những quan hệ giữa chúng. Nó sử dụng xã hội học vi mô - nghiên cứu sự tương tác giữa cá nhân - để giải thích những thực tế xã hội học vi mô như các thành phố hoạt động như thế nào.

Một giá trị của phân tích mạng là khả năng của chúng ta sử dụng nó để phân tích lại một vài vấn đề đã có từ lâu. Như quan điểm của Wirth về thuyết đô thị. Chẳng hạn Wellman và Leighton (1979) đã sử dụng phân tích mạng để nghiên cứu cái gọi là vấn đề cộng đồng, cách thức mà đô thị hóa và thuyết đô thị ảnh hưởng đến sự liên kết xã hội của các cộng đồng địa phương. Họ chỉ ra rằng hầu hết những nghiên cứu về vấn đề này đã lẫn lộn "cộng đồng" với "khu ở". Nói cách khác, các nhà xã hội học thường giả định rằng, để hình thành một cộng đồng, con người phải sống gần với nhau. Do đó, các nhà xã hội học đô thị theo quan điểm của Wirth - Wellman và Leighton gọi điều này là quan điểm "đánh mất cộng đồng" - nói rằng đô thị hóa phá hủy những khu ở, và cùng với nó là ý nghĩa của cộng đồng. Nhưng Wellman và Leighton gợi ý rằng nếu chúng ta nhìn vào các cộng đồng địa phương về phương diện mạng lưới xã hội, chúng ta không được nghĩ rằng họ như cơ sở của các vùng phụ cận. Đó là những nhóm người có mạng lưới xã hội mạnh, cố kết ngay cả khi các thành viên của họ tản mát xung quanh thành phố. Những vấn đề gì là sức mạnh về số lượng các quan hệ tiên cá nhân? Sử dụng quan điểm "Cộng đồng tự do" này, Wellman và Leighton chỉ ra rằng các cộng đồng đô thị địa phương là linh hoạt và thích nghi với sự cơ động của đời sống hiện đại.

Người dịch: VŨ TUẤN HUY

Nguồn: David Popenoe.

Sociology. Sixth Ed. 1986. Chapter 20.. *Urban development and Community Change*. P. 517-522.